

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên yêu cầu về các sản phẩm đầu ra được nêu tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT, Chủ đầu tư phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ;
- Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc;
- Tính hợp lý và khả thi của kế hoạch, các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ;
- Mức độ đáp ứng hệ thống đảm bảo chất lượng và phương pháp thực hiện;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ;
- Tiến độ thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT;
- Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động (nếu có);
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì (nếu có);
- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có): các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) như: việc sử dụng các vật tư, vật liệu; biện pháp tổ chức thi công; dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);
- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;
- Trường hợp cần yêu cầu về xuất xứ vật tư, vật liệu, nguyên liệu phục vụ cho gói thầu dịch vụ phi tư vấn thì Chủ đầu tư quy định xuất xứ của vật tư, vật liệu, nguyên liệu theo nhóm nước, vùng lãnh thổ quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Đấu thầu. Nhà thầu phải chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu theo đúng yêu cầu về xuất xứ hoặc xuất xứ Việt Nam, kể cả trong trường hợp xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ mà Chủ đầu tư yêu cầu không có Việt Nam; nhà thầu chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu không có xuất xứ theo yêu cầu của E-HSMT hoặc không phải xuất xứ Việt Nam thì sẽ bị loại. Trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu xuất xứ Việt Nam theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10 của Luật Đấu thầu thì nhà thầu chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu không phải là xuất xứ Việt Nam sẽ bị loại;
- Các yếu tố cần thiết khác.

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSMT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật theo phương pháp đạt/không đạt:

**BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ THEO PHƯƠNG PHÁP “ĐẠT”,
“KHÔNG ĐẠT”**

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
1	Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc		
		Nhà thầu trình bày đầy đủ chi tiết, rõ ràng về tính chất và mục đích công việc thuê dịch vụ	Nhà thầu không trình bày hoặc trình bày nhưng không đầy đủ chi tiết, không rõ ràng về tính chất, mục đích, phạm vi công việc thuê dịch vụ
2	Tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ		
		Nhà thầu trình bày chi tiết, rõ ràng về tính hiệu quả quy trình cung cấp, hỗ trợ, vận hành dịch vụ.	Nhà thầu không trình bày hoặc trình bày nhưng không chi tiết, rõ ràng về tính hiệu quả quy trình cung cấp, hỗ trợ, vận hành dịch vụ.
3	Giải pháp và phương pháp luận, kế hoạch công tác		
	Giải pháp và phương pháp luận, kế hoạch công tác để thực hiện tất cả các hạng mục công việc quy định tại Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	Nhà thầu đề xuất giải pháp và phương pháp luận, kế hoạch công tác để thực hiện tất cả các nội dung phù hợp với yêu cầu tại Chương V E.HSMT.	Nhà thầu không có giải pháp và phương pháp luận, kế hoạch công tác hoặc có nhưng không cụ thể, không phù hợp với yêu cầu tại Chương V. E.HSMT.

4	Mức độ đáp ứng hệ thống đảm bảo chất lượng và phương pháp thực hiện		
4.1	Bản quyền phần mềm	Hệ thống phần mềm đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả của Cục Bản quyền tác giả <i>(Kèm theo tài liệu chứng minh)</i>	Không đáp ứng tiêu chí
4.2	Hạ tầng cung cấp dịch vụ	Hạ tầng cung cấp dịch vụ phải có tối thiểu 02 Trung tâm dữ liệu để dự phòng, Trung tâm Dữ liệu chính đạt chứng chỉ Uptime Tier III hoặc tương đương <i>(cung cấp tài liệu chứng minh)</i>	Không đáp ứng tiêu chí
4.3	Demo chứng minh sản phẩm	Nhà thầu có cam kết và trình bày demo đầy đủ chức năng yêu cầu của sản phẩm như E-HSMT	Không cam kết hoặc trình bày demo nhưng không trình bày đủ hoặc trình bày nhưng không đáp ứng yêu cầu.
5	Mức độ đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ		
5.1	Yêu cầu chung về năng lực của nhà cung cấp	Có cam kết trách nhiệm quản trị, vận hành, bảo trì để đảm bảo hệ thống có thể hoạt động thông suốt, hỗ trợ chủ đầu tư bằng nhiều hình thức đảm bảo 24/7. Có cam kết Cài đặt, thiết lập, cấu hình hệ thống; thời gian đào tạo, tập huấn hướng dẫn sử dụng dịch vụ) ≤ 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng Chuyển đổi dữ liệu ≤ 7 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu
5.2	Giấy phép kinh doanh sản phẩm và dịch vụ an toàn thông tin	Có giấy phép kinh doanh sản phẩm và dịch vụ an toàn thông tin theo quy định tại Nghị định 108/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016	Không có giấy phép kinh doanh sản phẩm và dịch vụ an toàn thông tin hoặc có nhưng không theo quy định tại Nghị định 108/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016

<p>6</p>	<p>Uy tín của nhà thầu trong việc thực hiện các gói thầu trong thời gian 05 năm gần đây tuân thủ điều 20 nghị định số 214/2025/NĐ-CP</p>	<p>Nhà thầu có các cam kết:</p> <p>a) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời đối chiếu tài liệu;</p> <p>b) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc đã tiến hành nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời vào thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 45 của Nghị định này;</p> <p>c) Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung hoặc không ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định này;</p> <p>d) Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;</p> <p>e) Nhà thầu không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không nộp tiền mặt, séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo</p>	<p>Không đáp ứng yêu cầu trên</p>
----------	--	--	-----------------------------------

	<p>hiểm bảo lãnh theo quy định của pháp luật về đấu thầu;</p> <p>g) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng;</p> <p>h) Nhà thầu từ chối hoặc không xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư mời nhà thầu xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;</p> <p>i) Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện gói thầu xây lắp, PC, phần xây lắp trong gói thầu EC theo cam kết trong đơn dự thầu đối với đấu thầu trong nước.</p> <p>k) Nhà thầu không bị chủ đầu tư/tổ chuyên gia hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận hoặc ra thông báo hoặc báo cáo đánh giá nhà thầu có hành vi gian lận cung cấp thông tin không trung thực trong đấu thầu theo Luật Đấu thầu</p>	
--	--	--